

Phụ lục số 01

KỊCH BẢN GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THEO TỪNG NGUỒN VỐN

(Kèm theo Văn bản số /UBND-XD ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn HDND tỉnh Lào Cai đã giao			Kịch bản giải ngân năm 2025							
		Tổng số	Trong đó:		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 7/2025		Lũy kế giải ngân đến hết quý III/2025		Lũy kế giải ngân đến hết quý IV/2025		Lũy kế giải ngân đến hết ngày 31/01/2026	
			Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	15.119.911	14.748.645	371.265	4.917.055	32,5%	9.702.055	64,2%	13.725.979	90,8%	15.119.911	100,0%
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.254.256	5.213.831	40.425	1.506.488	28,7%	3.132.488	59,6%	5.065.029	96,4%	5.254.256	100,0%
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.742.721	1.742.721		572.069	32,8%	1.102.069	63,2%	1.664.540	95,5%	1.742.721	100,0%
2	Các chương trình mục tiêu quốc gia	1.472.738	1.448.313	24.425	574.687	39,0%	994.687	67,5%	1.414.687	96,1%	1.472.738	100,0%
3	Vốn nước ngoài (ODA)	324.393	324.393		65.398	20,2%	184.398	56,8%	274.398	84,6%	324.393	100,0%
4	Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh	1.714.404	1.698.404	16.000	294.334	17,2%	851.334	49,7%	1.711.404	99,8%	1.714.404	100,0%
4.1	Vốn dự bị động viên	26.000	10.000	16.000			12.000	46,2%	23.000	88,5%	26.000	100,0%
4.2	Vốn bổ sung năm 2024 chuyển nguồn năm 2025	1.688.404	1.688.404		294.334	17,4%	839.334	49,7%	1.688.404	100,0%	1.688.404	100,0%
-	Vốn hỗ trợ khắc phục bão số 3 và mưa lũ sau bão; vốn bổ sung có mục tiêu năm 2024	1.538.404	1.538.404		274.100	17,8%	784.100	51,0%	1.538.404	100,0%	1.538.404	100,0%
-	Kinh phí Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn vốn từ các nông, lâm trường quốc doanh	80.000	80.000		20.234	25,3%	35.234	44,0%	80.000	100,0%	80.000	100,0%
-	Vốn bổ sung có mục tiêu	70.000	70.000				20.000	28,6%	70.000	100,0%	70.000	100,0%
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.118.605	8.787.765	330.840	3.271.673	35,9%	6.098.304	66,9%	7.954.789	87,2%	9.118.605	100,0%
1	Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước	1.315.820	1.315.820		875.753	66,6%	1.126.107	85,6%	1.308.753	99,5%	1.315.820	100,0%
2	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	5.844.770	5.741.770	103.000	1.731.281	29,6%	3.440.449	58,9%	4.736.288	81,0%	5.844.770	100,0%
3	Nguồn tăng thu thuế phí, thu khác, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	1.132.923	1.132.923		503.384	44,4%	953.384	84,2%	1.118.384	98,7%	1.132.923	100,0%
4	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	78.167	78.167		25.767	33,0%	60.767	77,7%	70.767	90,5%	78.167	100,0%
5	Nguồn thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường	664.970	437.130	227.840	104.250	15,7%	454.250	68,3%	644.250	96,9%	664.970	100,0%

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn HĐND tỉnh Lào Cai đã giao			Kịch bản giải ngân năm 2025							
		Tổng số	Trong đó:		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 7/2025		Lũy kế giải ngân đến hết quý III/2025		Lũy kế giải ngân đến hết quý IV/2025		Lũy kế giải ngân đến hết ngày 31/01/2026	
			Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	72.100	72.100		23.492	32,6%	53.492	74,2%	66.492	92,2%	72.100	100,0%
7	Vốn tăng thu từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2023	2.109	2.109				2.109	100,0%	2.109	100,0%	2.109	100,0%
8	Vốn từ nguồn 10% tiền sử dụng đất năm 2024 chuyển sang năm 2025	7.746	7.746		7.746	100,0%	7.746	100,0%	7.746	100,0%	7.746	100,0%
III	VỐN XÃ HỘI HÓA	318.888	318.888				135.000	42,3%	278.000	87,2%	318.888	100,0%
1	Đóng góp của Tập đoàn than khoáng sản - TKV nộp ngân sách tỉnh	70.000	70.000				30.000	42,9%	63.000	90,0%	70.000	100,0%
2	Nguồn thu đóng góp từ Quỹ cứu trợ tỉnh	248.888	248.888				105.000	42,2%	215.000	86,4%	248.888	100,0%
IV	VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI SANG NĂM 2025	428.161	428.161		138.894	32,4%	336.263	78,5%	428.161	100,0%	428.161	100,0%
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	181.654	181.654		23.481	12,9%	128.848	70,9%	181.654	100,0%	181.654	100,0%
2	Vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG	128.000	128.000		56.572	44,2%	106.572	83,3%	128.000	100,0%	128.000	100,0%
3	Vốn ngân sách địa phương	118.507	118.507		58.841	49,7%	100.843	85,1%	118.507	100,0%	118.507	100,0%